TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13-5-2024
V/v tranh chấp ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Ái Xuân

2. Ông Đặng Văn Hậu

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Ngọc Yến– Thư ký Tòa án nhân nhân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Ly – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023 về việc: "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Thạch H, sinh năm 1996 "vắng mặt".

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Cẩm T, sinh năm 1996 "vắng mặt".

Cùng địa chỉ cư trú: ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Người làm chứng:

Ông Thạch N, sinh năm 1972 "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã Y, huyện N, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cùng ngày 20/10/2023 nguyên đơn anh Thạch H trình bày: Anh và bị đơn chị Lê Thị Cẩm T kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 31/01/2019. Sau khi kết hôn đến 2022 thì phát sinh mâu Tẫn, vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau, không có tiếng nói chung mặc dù vợ chồng đã cố gắng nhưng không đạt

kết quả. Hiện nay vợ chồng đã ly thân nhau. Tình cảm vợ chồng hiện không còn nên yêu cầu ly hôn với chị T.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Thạch Lê Gia B, sinh ngày 31/8/2020 hiện đang sống chung với anh. Sau ly hôn anh yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị Lê cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng phía bị đơn chị Lê Thị Cẩm T không trả lời ý kiến bằng văn bản về nội dung khởi kiện của nguyên đơn và không đến tham gia phiên họp và hòa giải cho nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được giữa các đương sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm: nguyên đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt, người làm chứng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát huyện Trà Ôn phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, người làm chứng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành đầy đủ về quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 28, đểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Thạch H.

Về hôn nhân: Xử cho anh Thạch H ly hôn với chị Lê Thị Cẩm T.

Về con chung: Giao con chung Thạch Lê Gia B, sinh ngày 31/8/2020 cho anh Thạch H trực tiếp tục nuôi dưỡng. chị Lê Thị Cẩm T không phải cấp dưỡng nuôi con và chị T có quyền và nghĩa vụ thăm con chung không ai có quyền cản trở.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí ly hôn do anh Thạch H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: anh Thạch H khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị Cẩm T, có địa chỉ ấp T, xã M, huyện Q, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R. Do đó, Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn anh Thạch H có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn chị Lê Thị Cẩm T được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng chị T vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai nên căn cứ khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Thạch H và chị Lê Thị Cẩm T kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 31/01/2019 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhân kết hôn số: 08 ngày 31/01/2019 và anh H, chị T kết hôn cũng đảm B các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của anh H cho rằng Sau khi kết hôn đến 2022 thì phát sinh mâu Tẫn, vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau, không có tiếng nói chung mặc dù vợ chồng đã cố gắng nhưng không đạt kết quả. Hiện nay vợ chồng đã ly thân nhau. Tình cảm vợ chồng hiện không còn nên anh H yêu cầu ly hôn với chị T. Xét lời trình bày của anh H phù hợp với lời trình bày củangười làm chứng. Từ đó, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H theo quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: anh H và chị T có 01 con chung tên Thạch Lê Gia B, sinh ngày 31/08/2020 hiện anh H đang nuôi, anh H yêu cầu tiếp tục nuôi. Xét thấy từ khi ly thân đến nay con chung sống với anh H cuộc sống cũng đảm bảo, chị T cũng không có ý kiến gì về việc yêu cầu nuôi con của anh H nên tiếp tục giao con chung cho anh H tiếp tục nuôi, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở là phù hợp Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: anh H hiện tại đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết

[5] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí ly hôn do anh Thạch H do anh H là dân tộc thiểu số sống trong vùng kinh tế xã hội đặc biết khóa khăn, theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của kiểm sát viên so với nhận định trên là có căn cứ chấp nhận 01 phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Thạch H.

1. Về hôn nhân:

Xử cho anh Thạch H được ly hôn với chị Lê Thị Cẩm T.

2. Về con chung:

Tiếp tục giao con chung Thạch Lê Gia B, sinh ngày 31/08/2020 cho anh Thạch H trực tiếp nuôi dưỡng, chị Lê Thị Cẩm T không phải cấp dưỡng nuôi con và chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn toàn bộ án phí ly hôn cho anh Thạch H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn;
- Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn;
- UBND xã V, huyện G, tỉnh An Giang
(Giấy kết hôn số: 08 ngày 31/01/2019
- Lưu hồ sơ vụ án.